TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 96/2025/DS-PT Ngày: 29/8/2025 *V/v: "Tranh chấp QSDĐ và tiền đền bù khi Nhà nước thu hồi đất; yêu cầu huỷ HĐ chuyển nhượng QSDĐ và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hoà.**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân;**

bà **Võ Thị Ngọc Dung.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Trường** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Phạm Thị Nguyệt Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 221/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tiền đền bù khi Nhà nước thu hồi đất; yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 486/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Hà Thị Mỹ H, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố D, phường X, tỉnh Đắk Lắk). Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản uỷ quyền ngày 30/11/2023):

1. Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1992; Địa chỉ: khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố D, phường X, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt

2. Ông Chế Hữu C, sinh năm 1997; Địa chỉ: thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn L, phường S, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt

- Bị đơn:

1. Vợ chồng ông Hà Thượng T, sinh năm 1937 và bà Lê Thị Y, sinh năm 1940; Địa chỉ: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là phường X, tỉnh Đắk Lắk). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà Y:

- Bà Trần Thị Như T1 – Luật sư, Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh P. Địa chỉ: B N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt

- Ông Võ Hoàng K – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P, nay là Trung tâm T6, Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: F L, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Vợ chồng ông Hà Trọng Đ, sinh năm 1954, bà Ngô Thị Bích Đ1, sinh năm 1957; ông Đ uỷ quyền cho bà Đ1 tham gia tố tụng (theo văn bản uỷ quyền ngày 12/7/2023). Địa chỉ: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là phường X, tỉnh Đắk Lắk). Bà Đ1 có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà Đ1:

- Ông Lương Anh T2 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T6, Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: F L, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Kim C1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T6, Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: F L, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thị xã S, tỉnh Phú Yên.

2. UBND phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND thị xã S và UBND phường X: UBND phường X, tỉnh Đắk Lắk mới*; người đại diện theo pháp luật:* ông Phạm Văn N1 - Chủ tịch. Vắng mặt.

3. Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1963. Địa chỉ: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố L, phường S, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

4. Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1971; vắng mặt. Địa chỉ: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố L, phường S, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

5. Bà Hà Thị H1, sinh năm 1940. Địa chỉ: thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn L, xã X, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

6. Bà Hà Thị M1, sinh năm 1957. Địa chỉ: thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn B, xã X, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H1, bà M1 (theo văn bản uỷ quyền ngày 30/5/2023): Ông Chế Hữu C, sinh năm 1997. Địa chỉ: thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn L, phường S, tỉnh Đắk Lắk*)*. Vắng mặt

7. Bà Hà Thị Mỹ L, sinh năm 1978. Vắng mặt.

8. Ông Hà Văn H2, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố D, phường X, tỉnh Đắk Lắk*)*.

9. Bà Hà Thị Mỹ L1, sinh năm 1981. Địa chỉ: thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn T, phường S, tỉnh Đắk Lắk*)*. Vắng mặt.

10. Ông Hà Văn H3, sinh năm 1986; Địa chỉ: khu phố P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk*)*. Vắng mặt.

11. Ông Hà Văn H4, sinh năm 1989; Địa chỉ: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn L, phường S, tỉnh Đắk Lắk*)*. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Mỹ H ***trình bày:***

Nguyên trước đây, ông Hà Văn T3 được Gia tộc họ H5 để lại một số ruộng và đất vườn theo "Văn tự phân hạng ruộng đất" lập năm Thành T4 thứ 12 (năm 1012), sau khi ông T3 chết thì toàn bộ đất cát để lại cho người con duy nhất của ông T3 là ông Hà Thượng C2.

Sau khi ông C2 chết để lại cho các người con của ông gồm: bà Hà Thị H1, Hà Thị M1, ông Hà Thượng T5, Hà Thượng D (đã chết). Đến năm 1985 các chị em phân chia ruộng đất thì cá nhân ông Hà Thượng T5 được quản lý, sử dụng 02 sở đất nằm liền kề nhau gồm một sở đất vườn diện tích 2 sào 9 thước và một sở đất diện tích 01 sào 10 thước, tổng cộng là 3 sào 19 thước tại xứ Đ (nay là khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên – địa chỉ mới là khu phố D, phường X, tỉnh Đắk Lắk) thuộc đất Gia tộc để lại theo văn tự nêu trên.

Khu đất 03 sào 19 thước nêu trên (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.186m^2), ông Hà Thượng T5 (cha nguyên đơn) là người chủ sử dụng đất, đứng tên trong sổ địa chính, trực tiếp quản lý, sử dụng đất ổn định, liên tục, không có tranh chấp và nộp thuế đầy đủ cho nhà nước từ trước giờ đến nay.

Năm 1985, gia đình ông Hà Thượng C3 không có chỗ ở đã xin ông T5 cho cha con ông C3, ông Đ ở nhà trên đất của Gia tộc họ H5 thuộc khu đất 03 sào 19 thước nêu trên, diện tích cho ở nhờ khoảng 01 sào.

Năm 2006, Nhà nước thu hồi một phần diện tích của khu đất 03 sào 19 thước nêu trên để lập khu dân cư phía Tây Dân P thì ông Đ, ông T đã tự ý đứng ra kê khai nhận tiền bồi thường với diện tích đất được ông T5 cho ở nhờ năm 1985. Thậm chí, vợ chồng ông Đ, ông T còn ngang nhiên chiếm dụng phần đất còn lại không bị thu hồi của ông T5 (nay thuộc phía đông đường K), riêng vợ chồng ông Đ còn ngoan cố dựng cả căn chòi trên đất của gia đình nguyên đơn, cụ thể:

Vợ chồng ông Đ, bà Đ1 chiếm dụng diện tích 196,6m^2 tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Vợ chồng ông T, bà Y chiếm dụng 02 phần diện tích 121,2m^2 và 113,3m^2 tại khu phố D, phường X, tỉnh Phú Yên.

Sau nhiều lần sửa đổi đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc vợ chồng ông Hà Trọng Đ và bà Ngô Thị Bích Đ1 tháo dỡ nhà trả lại cho các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Hà Thượng T5 gồm: Bà Hà Thị Mỹ H, Hà Thị Mỹ L, Hà Thị Mỹ L1, Hà Văn H2, Hà Văn H3, Hà Văn H4 đối với diện tích đất 196,6m^2 tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (bản vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất ngày 05/7/2024) và toàn bộ khoản tiền bồi thường đã nhận.
2. Buộc vợ chồng ông Hà Thượng T và bà Lê Thị Y trả lại cho các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Hà Thượng T5 gồm: Bà Hà Thị Mỹ H, Hà Thị Mỹ L, Hà Thị Mỹ L1, Hà Văn H2, Hà Văn H3, Hà Văn H4 02 phần đất có diện tích 121,2m^2 và 113,3m^2 tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (bản vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất ngày 05/7/2024) và toàn bộ khoản tiền bồi thường đã nhận.

Đồng thời: Công nhận sự tự nguyện của các ông, bà: Lài, L1, H2, H3 và H4 về việc: Tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của các ông bà đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên cho bà H.

1. Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/8/2015 giữa vợ chồng ông Hà Thượng T và bà Lê Thị Y với bà Huỳnh Thị N2, Huỳnh Thị G được chứng thực bởi UBND phường X, thị xã S.
2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 474710 cấp ngày 30/07/2014 do UBND thị xã S cấp cho vợ chồng ông Hà Trọng Đ và bà Ngô Thị Bích Đ1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 883756 cấp ngày 21/09/2015 do UBND thị xã S cấp cho bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị N2.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Hà Thượng T và vợ chồng ông Hà Trọng Đ trình bày: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Các ông, bà Hà Thị H1, Hà Thị Mỹ L, Hà Thị M1, Hà Thị Mỹ L1, ông Hà Văn H3, Hà Văn H2, Hà Văn H4 trình bày: Thống nhất nội dung trình bày của phía nguyên đơn về nguồn gốc đất tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** UBND phường X và UBND thị xã S: đều khẳng định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các bên đương sự trong vụ án trên đều hợp pháp, đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) đã quyết định:

"Căn cứ vào các Điều 166, 167 Luật đất đai năm 2013; khoản 3, 9 Điều 26, 37, điểm c khoản 1 Điều 39, 147, 157, 165, 227 và 228 của BLTTDS; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính;

***Tuyên xử**:*

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Mỹ H về việc.

1.1 Buộc vợ chồng ông Hà Trọng Đ và bà Ngô Thị Bích Đ1 trả lại cho các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Hà Thượng T5 gồm: Bà Hà Thị Mỹ H, Hà Thị Mỹ L, Hà Thị Mỹ L1, Hà Văn H2, Hà Văn H3, Hà Văn H4 đối với diện tích 196,6m^2 tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (bản vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất ngày 05/7/2024) và toàn bộ khoản tiền bồi thường đã nhận.

1.2 Buộc vợ chồng ông Hà Thượng T và bà Lê Thị Y trả lại cho các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Hà Thượng T5 gồm: Bà Hà Thị Mỹ H, Hà Thị Mỹ L, Hà Thị Mỹ L1, Hà Văn H2, Hà Văn H3, Hà Văn H4 02 phần đất có diện tích 121,2m^2 và 113,3m^2 tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (bản vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất ngày 05/7/2024) và toàn bộ khoản tiền bồi thường đã nhận.

Đồng thời: Công nhận sự tự nguyện của các ông, bà: Lài, L1, H2, H3 và H4 về việc: Tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của các ông bà đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên cho bà H.

1.3 Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/8/2015 giữa vợ chồng ông Hà Thượng T và bà Lê Thị Y với bà Huỳnh Thị N2, Huỳnh Thị G được chứng thực bởi UBND phường X, thị xã S.

1.4 Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 474710 cấp ngày 30/7/2014 do UBND thị xã S cấp cho vợ chồng ông Hà Trọng Đ và bà Ngô Thị Bích Đ1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 883756 cấp ngày 21/9/2015 do UBND thị xã S cấp cho bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị N2"

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/5/2025, nguyên đơn bà Hà Thị Mỹ H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hà Thị Mỹ H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Mỹ H là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Mỹ H không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Mỹ H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Xét yêu cầu đòi lại đất của bà Hà Thị Mỹ H thấy:

[2.1] Khoảng năm 1901, dòng họ H5 tại thôn L, tổ N, huyện Đ, phủ T (nay thuộc khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên) có 2 chi. Chi trưởng có ông Hà Thượng T5 và ông Hà Thượng Đ2; chi thứ có cụ Hà Thượng C3 và cụ Hà Thượng Đ3 (ông T5 gọi cụ C3 là chú); tài sản của ông tổ họ H5 để lại là 3,5 sào vườn dừa.

[2.2] Ngày 22/9/1981, ông T5 và ông Đ2 cùng cụ C3, cụ Đ3 họp và lập Biên bản hội đồng gia tộc thống nhất *"... Tài sản từ đường hiện có là 3 sào đất vườn dừa, 1 cái nhà lớn thờ phụng ông bà xin giao lại cho chú là ông Hà Thượng C3 giám phụng…*". Ngày 26/9/1981, ông T5 và ông Đ2 ký Giấy đoạn mãi vườn dừa có nội dung "*Nguyên hai anh em chúng tôi có 1 khoảng vườn dừa 3 sào 5 thước… Nay vì điều kiện ... vườn dừa không đủ chi dùng gia đình, bởi lý do đó anh em chúng tôi đoạn mãi bán khoảng vườn dừa cho ông Hà Thượng C3 - người chú của tôi với giá bạc 37.000đ và kể từ ngày ký giấy này ông Hà Thượng C3 được làm chủ vĩnh viễn khoản vườn dừa nói trên và có giao đủ giấy tờ (gốc) của ông bà để lại cho ông*".

[2.3] Tại Bản án dân sự số 62/2012/DS-PT ngày 26/9/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã nhận định *"“Giấy đoạn mãi vườn dừa” lập giữa ông Hà Thượng C3 và anh em ông T5 đã giao kết từ năm 1981, hợp đồng chuyển nhượng đã thực hiện từ đó đến nay. Theo hướng dẫn tại đoạn b.3 điểm b tiểu mục 2.2 mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này là giao dịch được xác lập trước 15/10/1993, bên nhận chuyển nhượng đã xây nhà ở, công trình kiến trúc, trồng cây lâu năm, không vi phạm quy định về quy hoạch và bên chuyển nhượng cũng không phản đối thì Tòa án công nhận hợp đồng*". Bản án này đã được Tòa án nhân dân tối cao trả lời đơn tại Văn bản số 207/TANDTC-DS ngày 31/01/2013. Mặc dù Bản án dân sự số 62/2012/DS-PT đã bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy nhưng với lý do chưa đưa những người thừa kế theo pháp luật của vợ chồng cụ Hà Thượng C3. Như vậy, "*Giấy đoạn mãi vườn dừa*" là tài liệu không cần chứng minh trong vụ án này.

[2.4] Nguyên đơn cho rằng ông T5, Đ2 lập giấy đoạn mãi ngày 26/9/1981 là để hợp thức hóa, tuy nhiên không xuất trình được tài liệu nào để chứng minh vấn đề trên.

[2.5] Ngày 13/3/1982, cụ C3, ông T5, ông D cùng ký Giấy thục vườn dừa, cầm cố 2,5 sào đất vườn dừa cho ông Đỗ N3 (người ngoài họ), hạn cầm cố 20 năm (1982-2002); còn lại 01 sào đất cụ C3 và các con là Hà Thượng T, Hà Trọng Đ quản lý, sử dụng. Năm 2002, khi hết hạn cầm cố, các con cụ C3 hoàn cảnh khó khăn, nên mình ông T5 khởi kiện yêu cầu ông Đỗ N3 cho chuộc lại 2,5 sào vườn dừa nêu trên và đã được ông Đỗ N3 đồng ý cho chuộc lại với số tiền 9.000.000 đồng.

[2.6] Gia đình cụ Hà Thượng C3 đã sử dụng đất từ năm 1981 cho đến nay, quá trình sử dụng đất đã xây dựng nhà ở, trồng cây cối trên đất mà không bị phía nguyên đơn ngăn cản.

[2.7] Như vậy, có cơ sở xác định thửa đất có diện tích 01 sào vườn dừa là của cụ Hà Thượng C3. Cụ C3 chết để lại cho con là ông Hà Thượng T, Hà Trọng Đ.

[2.8] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Mỹ H buộc vợ chồng ông Hà Trọng Đ, bà Ngô Thị Bích Đ1 trả lại 196,6m^2 và toàn bộ khoản tiền bồi thường đã nhận, vợ chồng ông Hà Thượng T, bà Lê Thị Y trả lại thửa đất có diện tích 121,2m^2 và 113,3m^2 và toàn bộ khoản tiền bồi thường đã nhận là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/8/2015 giữa vợ chồng ông T, bà Y với bà N2, bà G và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như đã phân tích ở trên, yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của bà Hà Thị Mỹ H là không có cơ sở nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hà Thị Mỹ H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Mỹ H.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Mỹ H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sau sát nhập).

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Hà Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Mỹ H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006965 ngày 09/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (nay là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk sau sát nhập).

3. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&XXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hòa